

HỢP ĐỒNG KINH TẾ KỸ THUẬT

V/v : "Lập phương án và thi công thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ than Huổi Tao A, xã Pú Nhi và xã Noong U, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên"

- Căn cứ luật dân sự số 33/2005 ngày 14 tháng 06 năm 2005 của Hội đồng nhà nước Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ luật Thương mại số 36/2005 ngày 14 tháng 06 năm 2005 của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ yêu cầu đầu tư của Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Tây Bắc và khả năng của Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Khoa học Kỹ thuật.

Hôm nay, ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Tây Bắc, chúng tôi gồm:

I. Bên A: Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Tây Bắc

- Đại diện: Ông **Phạm Minh Đông** - Chức vụ: **Giám đốc**
- Địa chỉ: Đội 18, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên
- Điện thoại: 0969778888, - Fax:
- Số tài khoản 36010000446538 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Điện Biên.
- Mã số thuế: 5600231456

II. Bên B: Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Khoa học Kỹ thuật

- Đại diện: Ông **Nguyễn Trường Xuân** - Chức vụ: **Giám đốc**
- Địa chỉ: Tầng 1, Nhà A, Trường Đại học Mỏ - Địa Chất, Số 18, Phố Viên, P. Đức Thắng – Q. Bắc Từ Liêm – TP. Hà Nội.
- Tel: 035.4806361/0983.355935;
- Số tài khoản: 146 220 1005 013, tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tây Đô.
- Mã số thuế: 0100764383

Hai bên cùng nhau thỏa thuận ký kết hợp đồng Lập phương án và thi công thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ than Huổi Tao A, xã Pú Nhi và xã Noong U, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

ĐIỀU I: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

I-1. Trách nhiệm của bên A:

1. Tạo điều kiện cho bên B thực hiện công tác Lập phương án và thi công thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ than Huổi Tao A, xã Pú Nhi và xã Noong U, huyện Điện

Biên Đông, tỉnh Điện Biên. Cụ thể cung cấp các thủ tục hành chính có liên quan tại địa phương và các cơ quan hữu quan.

2. Đào Lò thăm dò tại vị trí bên B yêu cầu.
3. Hỗ trợ bên B chỗ ăn, ở và vận chuyển mẫu phân tích về khu vực tập kết để vận chuyển về Hà Nội phân tích.
4. Chịu trách nhiệm, tổ chức và phương tiện đi lại khi các cơ quan chức năng yêu cầu kiểm tra thực địa.
5. Cử cán bộ theo dõi, giám sát thi công thực địa và tiến độ thực hiện của hợp đồng.

I-2. Trách nhiệm của bên B:

1. Lập phương án và thi công thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ than Huổi Tao A, xã Pú Nhi và xã Noong U, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.
2. Bảo vệ kết quả công thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ than Huổi Tao A, xã Pú Nhi và xã Noong U, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên tại Sở Tài nguyên và Môi trường Điện Biên và Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3. Bảo mật các kết quả nghiên cứu của khu mỏ nêu trên.

ĐIỀU II: THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Tổng thời gian thực hiện hợp đồng là 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và bên A chuyển tiền đợt 1 cho bên B, cụ thể như sau:

- II.1. Thi công phương án thăm dò: Tổng thời gian là 2,5 tháng.
- II.2. Gia công, phân tích mẫu: Tổng thời gian là 1,0 tháng.
- II.3. Tổng hợp, xử lý tài liệu viết báo cáo tổng kết trình các cơ quan quản lý: Tổng thời gian là 2,5 tháng.

Bên B sẽ tiến hành các bước nhanh nhất để báo cáo hoàn thành trước thời gian dự kiến.

ĐIỀU III: TÀI LIỆU GIAO NỘP CHO BÊN A

- Phương án thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ than Huổi Tao A, xã Pú Nhi và xã Noong U, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên đã được thông qua với số lượng: 03 bộ.
 - Báo cáo thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ than Huổi Tao A, xã Pú Nhi và xã Noong U, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt với số lượng: 03 bộ.
 - Đĩa CD ghi các nội dung trên: 01 đĩa.
- Địa điểm giao nộp: Văn phòng Công ty.

ĐIỀU IV: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

IV.1. Giá trị của hợp đồng:

Tổng giá trị của hợp đồng thoả thuận là **1.050.000.000** đồng (*Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng chẵn*) chưa bao gồm thuế VAT 10%.

IV.2. Phương thức và thời gian thanh toán:

Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng theo các lần sau:

- Lần 1: Sau khi hợp đồng được ký kết, bên A tạm ứng trước cho bên B số tiền là 40% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền là **420.000.000** đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng chẵn).
- Lần 2: Sau khi thi công thực địa xong bên A tạm ứng cho bên B số tiền tương ứng với 25% giá trị hợp đồng là **260.000.000** đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng chẵn).
- Lần 3: Khi báo cáo kết quả thăm dò lập xong bên B bàn giao cho bên A trình Sở Tài nguyên và Môi trường Điện Biên và được thông qua bên A tạm ứng trước cho bên B số tiền là 20% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền là **210.000.000** đồng (Hai trăm mười triệu đồng chẵn) để bên B trình Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Số còn lại bên A thanh toán cho bên B sau khi hai bên ký thanh lý hợp đồng.

Việc tạm ứng, thanh toán chỉ được thực hiện trên cơ sở văn bản đề nghị của bên B và các hoá đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của Nhà nước.

ĐIỀU V: PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

V. 1. Đối với bên B:

- Nếu bên B giao nộp sản phẩm chậm so với tiến độ ghi tại điều II mà không có lý do chính đáng được bên A chấp nhận thì sẽ bị phạt chậm tiến độ. Tiền phạt chậm tiến độ là 0,5% giá trị quyết toán đối với 01 tuần chậm trễ. Tổng khoản phạt không quá 8% giá trị quyết toán hợp đồng.

- Nếu báo cáo bên B lập không đảm bảo chất lượng theo quy định của các cơ quan thẩm quyền và yêu cầu của bên A, bên B có trách nhiệm làm lại.

- Khi bên B không thực hiện đúng điều II của hợp đồng (quá 30 ngày không có lý do chính đáng) bên A tuyên bố chấm dứt hợp đồng, bên B phải hoàn trả lại cho bên A số tiền đã nhận tạm ứng do sự chậm trễ của bên B gây ra.

V. 2. Đối với bên A:

Phạt hợp đồng do chậm thanh toán: Nếu đến thời hạn thanh toán nhưng bên A chậm thanh toán thì phải chịu bồi thường cho bên B bằng mức lãi xuất cho vay có kỳ hạn tương ứng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tính từ ngày hết hạn thanh toán (thời hạn thanh toán không gọi là vi phạm là trong vòng 15 ngày kể từ ngày bên B xuất trình đầy đủ hồ sơ thanh toán được quy định ở điều IV).

ĐIỀU VI: ĐIỀU KHOẢN CAM KẾT

1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản của hợp đồng, không được đơn phương thay đổi hoặc huỷ bỏ hợp đồng khi chưa được bên đối tác đồng ý bằng văn bản, trừ trường hợp nêu tại điều V.

2. Bên nào vi phạm các điều khoản ghi trong hợp đồng sẽ phải chịu trách nhiệm vật chất và phải bồi hoàn chi phí mà bên kia đã bỏ ra.

3. Trường hợp bất khả kháng: Nếu do thiên tai hoặc một lý do khách quan nào khác không thuộc phạm vi giải quyết của bên A và bên B mà hợp đồng không thực hiện được thì hợp đồng sẽ được chấm dứt, không bên nào chịu trách nhiệm trước bên nào.

ĐIỀU VII: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

1. Hợp đồng này là căn cứ cho mọi thoả thuận ký kết của hai bên và là cơ sở để giải quyết mọi vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

2. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề gì trở ngại phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực cùng nhau bàn bạc tìm giải pháp để khắc phục.

3. Việc tranh chấp chủ yếu giải quyết dựa trên tinh thần thiện chí hợp tác của hai bên. Khi không giải quyết được bằng giải pháp thương lượng sẽ thống nhất chuyển vụ việc tới Toà kinh tế tỉnh Điện Biên để giải quyết và phán quyết. Bên nào sai sẽ phải chịu mọi phí tổn.

ĐIỀU VIII: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Hai bên sẽ tổ chức nghiệm thu chuyển giao toàn bộ tài liệu Báo cáo kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ than Huổi Tao A, xã Pú Nhi và xã Noong U, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm chất lượng, tiến độ hợp đồng và lập biên bản thanh lý hợp đồng.

Hợp đồng này được làm thành 06 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Đông

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Nguyễn Trường Xuân

BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Căn cứ:

- Hợp đồng kinh tế kỹ thuật số 77/HĐ/KT-KT ký ngày 07/7/2021 giữa Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Tây Bắc và Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Khoa học Kỹ thuật về việc: **Lập phương án và thi công thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ than Huổi Tao A, xã Pú Nhi và xã Noong U, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.**

- Yêu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 03 năm 2022, tại Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Tây Bắc, chúng tôi gồm:

I. Bên A: Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Tây Bắc

- Đại diện: Ông **Phạm Minh Đông** - Chức vụ: **Giám đốc**
- Địa chỉ: Đội 18, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên
- Điện thoại: 0969778888, - Fax:
- Số tài khoản 36010000446538 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Điện Biên.
- Mã số thuế: 5600231456

II. Bên B: Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Khoa học Kỹ thuật

- Đại diện: Ông **Nguyễn Trường Xuân** - Chức vụ: **Giám đốc**
- Địa chỉ: Tầng 1, Nhà A, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Số 18, Phố Viên, P. Đức Thắng - Q. Bắc Từ Liêm - Hà Nội
- Tel: 035.4806361/0983.355935
- Số tài khoản: 146 220 1005 013, tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tây Đô.
- Mã số thuế: 0100764383

Hai bên thống nhất thanh lý Hợp đồng kinh tế kỹ thuật số 77/HĐ/KTKT ký ngày 07/7/2021 giữa Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Tây Bắc và Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Khoa học Kỹ thuật về việc: **Lập phương án và thi công thăm**

dò nâng cấp trữ lượng mỏ than Huổi Tao A, xã Pú Nhi và xã Noong U, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên như sau:

1. Nội dung công việc thực hiện:

Bên B nhận Lập phương án và thi công thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ than Huổi Tao A, xã Pú Nhi và xã Noong U, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên. Bên B đã hoàn thành công việc và bàn giao đầy đủ các tài liệu cho bên A theo đúng nội dung hợp đồng kinh tế kỹ thuật đã ký giữa hai bên.

2. Giá trị thực hiện hợp đồng:

- | | |
|--|---------------------------|
| - Giá trị dự toán ban đầu theo hợp đồng: | 1.050.000.000 đồng |
| - Giá trị quyết toán: | 1.050.000.000 đồng |
| - Thuế VAT 10%: | 105.000.000 đồng |
| - Tổng kinh phí cả thuế VAT là: | 1.155.000.000 đồng |

(Phụ lục khối lượng thực hiện và giá trị quyết toán kèm theo)


- | | |
|--|--------------------|
| - Giá trị Bên A đã thanh toán cho Bên B: | 1.155.000.000 đồng |
|--|--------------------|

Bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn tài chính cho bên A trong vòng 5 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng.

3. Cam kết chung

- Hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng kinh tế kỹ thuật số 77/HĐ/KT-KT ký ngày 07/7/2021 kể từ ngày Bên B chuyển hóa đơn tài chính cho bên A.
- Biên bản được lập thành 6 bản mỗi bên giữ 3 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Phạm Minh Đông

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Nguyễn Trường Xuân

Phụ lục. Khối lượng thực hiện và giá trị quyết toán

Lập phương án và thi công thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ than Huổi Tao A, xã Pú Nhi và xã Noong U, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên

Số TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	Khảo sát lập phương án thăm dò (2,1% của II-IV)				
II	Thi công đề án	đề án	2,1	854.543.158	17.945.406
I	Chính lý bản đồ địa chất tỷ lệ 1: 2000 (trung bình)				636.611.590
1.1	Ngoài trời				58.616.183
1.2	Trong phòng	Km ²	0,6695	74.822.670	25.046.889
2	Công tác khai đào	Km ²	0,6695	100.281.685	33.569.294
2.1	Dọn sách vết lộ				378.510.300
2.2	Cập nhật số liệu lò cũ	m ³	700	400.729	280.510.300
2.3	Cập nhật số liệu lò mới	Lò	16	3.000.000	48.000.000
3	Lấy và gia công mẫu	Lò	2	25.000.000	50.000.000
3.1	Mẫu hóa than + đá kẹp (lò, vết lộ) ngoài trời	mẫu	40		56.913.392
3.2	Mẫu hóa than + đá kẹp (lò, vết lộ) trong phòng	mẫu	40	168.483	6.739.320
3.3	Mẫu khí định lượng	mẫu	6	102.869	4.114.760
3.4	Mẫu khí định tính	mẫu	6	463.991	2.783.946
3.5	Mẫu thể trọng nhỏ	mẫu	6	463.991	2.783.946
3.6	Mẫu thể trọng than (<0,5-1,0m ³)	mẫu	9	668.483	6.016.347
3.7	Gia công mẫu hóa than và đá kẹp	mẫu	6	1.431.933	8.591.598
3.8	Gia công mẫu tỷ trọng than	mẫu	40	345.113	13.804.520
4	Phân tích mẫu	mẫu	35	345.113	12.078.955
4.1	- Mẫu than 7ct: Độ ẩm phân tích (W _{pt}), tro phân tích (A _{pt}), chất bốc, nhiệt bốc cháy	mẫu			142.571.715
4.2	lưu huỳnh chung, khô (S _{dt}), phốt pho khô (P _d)		30		36.486.192
4.3	- Mẫu than 2 chỉ tiêu: độ co (X), chiều dày lớp dẻo (Y)	mẫu		1.216.206	
4.4	- Mẫu đá kẹp (hai chỉ tiêu)	mẫu	6	4.000.000	24.000.000
4.5	- Mẫu thành phần hoá học tro than	mẫu	6	304.766	1.828.596
4.6	- Mẫu khí định lượng	mẫu	6	1.842.684	11.056.104
4.7	- Mẫu khí định tính	mẫu	6	805.127	4.830.762
4.8	- Mẫu than sau khi đã tách khí 3ct: Độ tro (A _k), chất bốc (V _k), nhiệt năng (Q _d)	mẫu	6	1.137.542	6.825.252
4.9	- Mẫu tỷ trọng (d)	mẫu	6	566.454	3.398.724
4.9	- Mẫu thể trọng nhỏ (Đn)	mẫu	6	260.391	1.562.346
4.10	- Mẫu hoá nước toàn diện	mẫu	9	526.092	4.734.828
		mẫu	3	795.617	2.386.851

Số TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
4.11	- Mẫu cơ lý đá toàn diện	mẫu	10	4.546.206	45.462.060
III	Công tác trắc địa				205.079.059
1	Lập lưới giải tích loại I	điểm	4	14.686.891	58.747.564
2	Lập lưới đường sườn kinh vĩ	điểm	9	3.404.594	30.641.346
3	Định vị cửa lò và đo vẽ mặt cắt dọc đường lò	km	3	7.475.048	22.425.144
4	Đo vẽ bản đồ hiện trạng tỷ lệ 1:2000	Km ²	0,6695	70.227.664	47.017.421
5	Đo vẽ mặt cắt địa hình tỷ lệ 1:1000	km	4,39	6.325.914	27.770.762
6	Xác định các điểm góc	điểm	11	1.679.711	18.476.821
IV	Công tác ĐCTV-ĐCCT				12.852.510
1	Quan trắc đơn giản ĐCTV-ĐCCT Lò	lò	18	315.381	5.676.858
2	Lấy mẫu nước	mẫu	6	498.857	2.993.142
3	Lấy mẫu cơ lý đá	mẫu	10	418.251	4.182.510
V	Công tác cập nhật số liệu qua các năm				55.000.000
1	Số liệu tính toán	năm	10	4.500.000	45.000.000
2	Số liệu công ty	năm	10	1.000.000	10.000.000
VI	Lập báo cáo tổng kết và trình duyệt				82.716.122
1	Lập báo cáo tổng kết (6,03% của II - IV)	%	6,03	854.543.158	51.528.952
2	Số hóa bản đồ	Tờ	7	4.455.310	31.187.170
VII	Công tác khác				40.000.000
1	Vận chuyển mẫu và cán bộ	Ca xe	4	10.000.000	40.000.000
	Tổng chi phí thăm dò				1.050.204.687
	Tổng chi phí thăm dò làm tròn				1.050.000.000
	Thuế VAT 10%				105.000.000
	Tổng cộng				1.155.000.000

Bảng chữ: Một tỷ một trăm năm mươi năm triệu đồng chẵn